

ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

COMMISSION FOR THE STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY

SỐ/No: HC.26.03.0225

Chứng nhận sản phẩm/ this is to certify that:

Dây cáp điện có cách điện bằng Polymer (XLPO, loại X-HF-90),
điện áp làm việc đến và bằng 0,6/1(1,2)kV
(Chi tiết trong danh mục ban hành kèm theo Giấy chứng nhận)

Nhãn hiệu thương mại/ trade mark:



LS-DVH

Được sản xuất tại/produced in:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ CAO VIỆT HÀN

Địa chỉ/address: Lô 5, Cụm Công Nghiệp Cam Thượng, Xã Quảng Oai, Hà Nội.

Phù hợp với/ conforms to:

AS/NZS 5000.1:2005 & TCVN 6613-1-2:2010 (IEC 60332-1-2:2004)

và được phép sử dụng Dấu chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của Quatest 1
and approved bear Quatest 1 Product certification mark

Phương thức chứng nhận/ system certify:

Phương thức 5

(Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận này và Dấu phù hợp tiêu chuẩn có giá trị từ/ this certificate and the Quality Mark is valid from

04 / 9 / 2026 **đến/to** 13 / 02 / 2028



AS/NZS 5000.1:2005
TCVN 6613-1-2:2010
(IEC 60332-1-2:2004)

Dấu chứng nhận/ Certification mark

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Chu

(Giấy chứng nhận này được cấp thay thế cho Giấy chứng nhận số HC.26.01.0225 theo yêu cầu của công ty, có hiệu lực đến ngày 13/02/2028)

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-TĐC ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Căn cứ Quy định quản lý giấy chứng nhận NV.QĐ.02 ban hành ngày 06/5/2026 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Căn cứ Công văn số 05/VH-CV ngày 28/8/2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghệ cao Việt Hàn về việc bổ sung nhãn hiệu sản phẩm và cấp đổi giấy chứng nhận;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận số HC.26.01.0225 được cấp theo Quyết định số 1764/QĐ - KT1 ngày 15/7/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

Lý do: Công ty đề nghị bổ sung các nhãn hiệu “LS-DVH”,  cho các sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận số HC.26.01.0225.

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận số HC.26.03.0225 cho các sản phẩm Dây cáp điện có cách điện bằng Polymer (XLPO, loại X-HF-90), điện áp làm việc đến và bằng 0,6/1(1,2)kV (chi tiết trong Danh mục ban hành kèm theo Giấy chứng nhận), nhãn hiệu “VH CAVIHAN”, “LS-DVH”,  được sản xuất bởi Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghệ cao Việt Hàn, phù hợp Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005 và TCVN 6613-1-2:2010 (IEC 60332-1-2:2004).

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 04/9/2026 đến ngày 13/02/2028.

Điều 3. Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghệ cao Việt Hàn được quyền sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu phù hợp tiêu chuẩn theo quy định của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 đối với các sản phẩm thuộc phạm vi chứng nhận tại Điều 2.

Điều 4. Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghệ cao Việt Hàn và Trưởng phòng Chứng nhận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CN.

GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thu

DANH MỤC SẢN PHẨM DÂY CÁP ĐIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ CAO VIỆT HÀN
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
AS/NZS 5000.1:2005 VÀ TCVN 6613-1-2:2010 (IEC 60332-1-2:2004)



(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số HC.26.03.0225 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, có hiệu lực kể từ ngày 04/9/2026 đến ngày 13/02/2028)

TT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Kết cấu	Điện áp (kV)	Tiết diện (mm ²)	Số lượng ruột dẫn	Tiêu chuẩn công bố áp dụng
1	Dây cáp điện có cách điện bằng Polymer, điện áp làm việc đến và bằng 0,6/1(1,2)kV	AS/NZS 5000.1:2005	Ruột dẫn: Cu Lớp cách điện: XLPO, loại X-HF-90 Lớp vỏ bọc: PVC LSZH, loại 5V-90	0,6/1(1.2)	2,5; 4; 6; 10; 16; 25; 35	2; 3; 4	AS/NZS 5000.1:2005 và TCVN 6613-1-2:2010 (IEC 60332-1-2:2004)

94/